

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017*



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	<b>1 – 26</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	1 – 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 – 8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 25

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.011.361.433.853</b>	<b>1.421.914.623.582</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>30.805.601.082</b>	<b>57.924.371.013</b>
1.	Tiền	111		29.698.049.082	42.624.371.013
2.	Các khoản tương đương tiền	112		1.107.552.000	15.300.000.000
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>1.320.000.000</b>	<b>1.320.000.000</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		1.320.000.000	1.320.000.000
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.472.989.594.740</b>	<b>763.060.656.581</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		917.749.899.583	219.474.757.239
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		169.417.123.995	299.766.706.296
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.03	393.750.000	843.750.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	444.394.713.422	299.835.434.397
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(58.965.892.260)	(56.859.991.351)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.05</b>	<b>497.756.416.634</b>	<b>557.098.597.472</b>
1.	Hàng tồn kho	141		497.756.416.634	565.199.826.713
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(8.101.229.241)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.489.821.397</b>	<b>42.510.998.517</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		186.103.133	678.865.027
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.659.475.199	41.832.133.490
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		379.406.667	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		2.264.836.398	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.292.888.317.226</b>	<b>1.731.323.302.482</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.767.115.960</b>	<b>53.959.016.360</b>
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.03	-	40.420.000.000
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	2.767.115.960	13.539.016.360
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>73.329.816.048</b>	<b>78.138.940.631</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	19.929.228.583	24.560.774.493
	- Nguyên giá	222		62.484.321.452	69.199.158.004
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(42.555.092.869)	(44.638.383.511)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	53.400.587.465	53.578.166.138
	- Nguyên giá	228		54.376.443.000	54.340.463.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(975.855.535)	(762.296.862)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.08</b>	<b>21.219.233.125</b>	<b>27.634.791.424</b>
1.	Nguyên giá	231		41.193.097.769	46.190.085.959
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(19.973.864.644)	(18.555.294.535)
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.09</b>	<b>60.655.178.444</b>	<b>533.716.724.935</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		60.655.178.444	533.716.724.935
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>994.337.780.661</b>	<b>236.109.528.267</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		967.035.786.837	138.636.414.911
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		27.301.993.824	97.473.113.356
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>140.579.192.988</b>	<b>801.764.300.865</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	94.081.020.192	112.927.371.583
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
6.	Lợi thế thương mại	269	V.11	46.498.172.796	688.836.929.282
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.304.249.751.078</b>	<b>3.153.237.926.064</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.108.992.610.625</b>	<b>1.601.067.711.533</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>892.346.279.231</b>	<b>947.163.671.803</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311		310.560.865.705	166.906.109.519
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		243.971.370.357	247.041.016.497
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	60.100.325.081	2.930.301.574
4.	Phải trả người lao động	314		3.935.769.138	5.451.959.624
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	608.031.330	14.501.803.011
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	2.739.749.968	4.349.214.995
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	56.628.196.085	52.377.106.703
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	211.244.357.536	451.110.540.644
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17	1.784.424.919	1.365.767.124
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		773.189.112	1.129.852.112
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>216.646.331.394</b>	<b>653.904.039.730</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		42.923.112.304	54.490.306.533
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	59.905.000.000
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16	3.390.837.592	3.098.634.234
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.15	6.031.355.662	14.917.076.187
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	151.901.421.101	508.038.332.857
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.18	12.399.604.735	13.454.689.919
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.195.257.140.454</b>	<b>1.552.170.214.531</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>2.195.257.140.454</b>	<b>1.552.170.214.531</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		75.594.948.891	74.155.820.000
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(71.528.269)	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		6.107.860.187	6.036.162.430
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.344.432.382	6.309.092.169
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(6.196.798.279)	(657.177.151.904)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(129.294.150.104)	(521.227.172.850)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		123.097.351.825	(135.949.979.054)
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429s		188.634.095.542	198.002.161.836
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.304.249.751.078</b>	<b>3.153.237.926.064</b>

Người lập biểu



Vi Văn Hai

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Vân Anh

Hưng Yên, ngày 30 tháng 01 năm 2017



Tổng Giám đốc

Bùi Hoàng Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước	Lũy kế đến quý IV năm nay	Lũy kế đến quý IV năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.647.996.246.300	132.279.938.800	2.051.294.699.267	501.600.557.611
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	3.151.335.849	-	4.437.432.282	236.239.385
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>1.644.844.910.451</b>	<b>132.279.938.800</b>	<b>2.046.857.266.985</b>	<b>501.364.318.226</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	1.376.181.678.735	105.600.795.759	1.954.160.924.548	436.405.480.969
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>268.663.231.716</b>	<b>26.679.143.041</b>	<b>92.696.342.437</b>	<b>64.958.837.257</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	91.654.113.341	334.141.795	226.065.486.899	1.373.671.700
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	15.287.280.022	13.030.066.011	24.321.807.154	22.169.551.631
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.321.807.154</i>	<i>14.565.932.161</i>	<i>22.421.807.154</i>	<i>22.169.551.631</i>
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		6.195.868.209	1.214.139.787	6.694.155.175	2.599.118.494
9.	Chi phí bán hàng	25		16.796.913.698	3.737.542.974	28.119.236.225	12.526.528.360
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		8.433.608.200	56.285.683.352	124.150.716.371	170.276.685.085
11.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>325.995.411.347</b>	<b>(44.825.867.714)</b>	<b>148.864.224.762</b>	<b>(136.041.137.625)</b>
12.	Thu nhập khác	31		855.131.385	2.117.541.251	2.933.154.087	3.635.821.020
13.	Chi phí khác	32		1.782.988.359	1.224.103.136	6.725.430.042	1.900.055.843
14.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(927.856.974)</b>	<b>893.438.115</b>	<b>(3.792.275.955)</b>	<b>1.735.765.177</b>
15.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>325.067.554.372</b>	<b>(43.932.429.599)</b>	<b>145.071.948.806</b>	<b>(134.305.372.448)</b>
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.06	3.299.519.586	699.411.144	4.480.308.587	1.212.535.203
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.07	(253.320.749)	(263.771.297)	(1.075.986.278)	(1.055.085.186)
18.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>322.021.355.535</b>	<b>(44.368.069.446)</b>	<b>141.667.626.497</b>	<b>(134.492.822.465)</b>
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		67.165.292	125.093.969	1.170.026.921	1.457.156.589
20.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		321.954.190.243	(44.493.163.415)	140.497.599.576	(135.949.979.054)

Hưng Yên, ngày 30 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vi Văn Hai

Nguyễn Thị Vân Anh

Bùi Hoàng Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	21		2.273.189.372.576	865.563.369.826
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	22		(1.574.581.738.169)	(973.615.925.433)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	23		(65.380.116.120)	(36.911.697.175)
4.	Tiền chi trả lãi vay	24		(11.294.057.349)	(11.812.292.693)
5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	25		(1.331.616.685)	(3.602.705.014)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	26		346.411.354.560	-
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	27		(956.786.790.844)	(209.359.400)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>10.226.407.968</b>	<b>(160.588.609.889)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(71.410.391)	(328.277.676.910)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		302.272.711	433.396.365
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	9.800.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.042.035.235)	(32.840.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	32.923.946.800
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		46.022.695	874.985.971
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(765.150.220)</b>	<b>(317.085.347.774)</b>
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.500.000.000	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		294.494.443.831	742.128.318.268
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(333.574.471.510)	(223.558.890.199)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.887.600.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(36.580.027.679)</b>	<b>516.681.828.069</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(27.118.769.931)</b>	<b>39.007.870.406</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>57.924.371.012</b>	<b>18.843.807.743</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	72.692.863
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>30.805.601.082</b>	<b>57.924.371.012</b>

Hưng Yên, ngày 30 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu



Vi Văn Hai

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Vân Anh



Tổng Giám đốc

Bùi Hoàng Tuấn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Năm 2017**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm:

- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp đến 35KV;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, cơ điện (sản xuất lắp ráp tủ bảng điện trung và hạ thế, tủ điều khiển, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, chi tiết cơ khí, phụ tùng linh kiện ngành điện và các sản phẩm cơ khí tiêu dùng khác);
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Buôn bán máy móc, thiết bị;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Cho thuê: xe ô tô, phương tiện vận chuyển;
- Sản xuất bao bì từ plastic;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Buôn bán gạo;
- Kinh doanh bất động sản trong và ngoài nước (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 202/2014/TT0BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### **02. Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

##### ***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

#### **03. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### **04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### **05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

##### ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính***

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### ***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính***

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 – 15 năm
- Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm
- Phần mềm kế toán	08 năm

#### **06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

##### ***Nguyên giá***

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

#### **Khấu hao**

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao.

Khấu hao nhà cửa được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư là 50 năm.

#### **07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **08. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm.

#### **09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đổi chi tiết theo nguyên tắc.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

##### ***Dự phòng bảo hành công trình xây dựng***

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

#### **13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

#### **14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

### **17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

#### 19. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

##### a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

##### b. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

###### Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu kỳ cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong năm.

##### c. Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ

Các khoản thu nhập khác, chi phí khác, lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của TSCĐ (nguyên giá, hao mòn lũy kế) phải được điều chỉnh lại như thể không phát sinh giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

##### 01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.631.416.485	920.596.748
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.066.632.597	41.703.774.265
- Tiền đang chuyển	-	-
- Tương đương tiền	1.107.552.000	15.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.805.601.082</b>	<b>57.924.371.013</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**02. Các khoản đầu tư tài chính**

**a) Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá gốc	Số lượng	Giá gốc
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	1.100.000	1.320.000.000	1.100.000	1.320.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.320.000.000</b>		<b>1.320.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>393.750.000</b>	<b>843.750.000</b>
- Công ty CP Động Lực	393.750.000	843.750.000
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>40.420.000.000</b>
- Phòng Thương mại công nghiệp Việt Nam	-	40.420.000.000
<b>Cộng</b>	<b>393.750.000</b>	<b>41.263.750.000</b>

**04. Phải thu khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>444.394.713.422</b>	<b>299.835.434.397</b>
- Phải thu của người lao động	-	42.147.376
- Tạm ứng	1.613.908.630	2.338.297.269
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.062.027.649
- Phải thu khác	442.780.804.792	296.392.962.103
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>	<b>2.767.115.960</b>	<b>13.539.016.360</b>
- Tạm ứng	-	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.753.435.960	13.539.016.360
- Phải thu khác	13.680.000	-
<b>Cộng</b>	<b>447.161.829.382</b>	<b>313.374.450.757</b>

**05. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	169.309.709	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	61.076.353.081	-	112.851.371.850	-
- Công cụ, dụng cụ	83.810.552	-	577.691.673	(82.147.794)
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	339.138.895.944	-	324.366.748.056	(387.554.874)
- Thành phẩm	8.417.655.571	-	22.364.582.364	(7.631.526.573)
- Hàng hoá	88.870.391.777	-	105.002.095.948	-
- Hàng gửi bán	-	-	37.336.822	-
<b>Cộng</b>	<b>497.756.416.634</b>	<b>-</b>	<b>565.199.826.713</b>	<b>(8.101.229.241)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>12.362.642.828</b>	<b>16.025.540.227</b>	<b>35.110.406.377</b>	<b>5.017.835.111</b>	<b>682.733.461</b>	<b>69.199.158.004</b>
- Mua trong năm	-	4.769.837.692	15.695.553.545	491.112.682	-	20.956.503.919
- Phân loại lại tài sản	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(172.800.000)	-	(1.203.329.198)	-	-	(1.376.129.198)
- Giảm do thanh lý công ty con	-	(2.303.549.091)	(23.955.753.091)	(35.909.091)	-	(26.295.211.273)
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>12.189.842.828</b>	<b>18.491.828.828</b>	<b>25.646.877.633</b>	<b>5.473.038.702</b>	<b>682.733.461</b>	<b>62.484.321.452</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>7.147.015.954</b>	<b>11.784.756.358</b>	<b>20.364.671.529</b>	<b>4.662.494.311</b>	<b>679.445.359</b>	<b>44.638.383.511</b>
- Khấu hao trong năm	106.151.916	1.492.735.831	4.227.342.665	104.109.086	-	5.930.339.498
- Phân loại lại tài sản	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(172.800.000)	-	(515.137.447)	-	-	(687.937.447)
- Giảm do thanh lý công ty con	-	(1.031.362.211)	(6.278.171.387)	(16.159.095)	-	(7.325.692.693)
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.080.367.870</b>	<b>12.246.129.978</b>	<b>17.798.705.360</b>	<b>4.750.444.302</b>	<b>679.445.359</b>	<b>42.555.092.869</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>5.215.626.874</b>	<b>4.240.783.869</b>	<b>14.745.734.848</b>	<b>355.340.800</b>	<b>3.288.102</b>	<b>24.560.774.493</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>5.109.474.958</b>	<b>6.245.698.850</b>	<b>7.848.172.273</b>	<b>722.594.400</b>	<b>3.288.102</b>	<b>19.929.228.583</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Phần mềm quản lý thang máy	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
<i>Số dư đầu năm</i>	52.257.150.000	642.383.000	1.440.930.000	54.340.463.000
- Mua trong năm	-	-	69.287.368	69.287.368
- Giảm do thanh lý công ty con	-	(33.307.368)	-	(33.307.368)
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	52.257.150.000	609.075.632	1.510.217.368	54.376.443.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<i>Số dư đầu năm</i>	-	625.065.430	137.231.432	762.296.862
- Khấu hao trong năm	-	13.262.755	205.847.148	219.109.903
- Giảm do thanh lý công ty con	-	(5.551.230)	-	(5.551.230)
<i>Số dư cuối năm</i>	-	632.776.955	343.078.580	975.855.535
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	52.257.150.000	17.317.570	1.303.698.568	53.578.166.138
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	52.257.150.000	(23.701.323)	1.167.138.788	53.400.587.465

**08. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối kỳ
<b>I. Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>				
- Quyền sử dụng đất	6.531.047.346	-	-	6.531.047.346
- Nhà	39.659.038.613	1.283.171.992	6.280.160.182	34.662.050.423
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	18.555.294.535	1.680.243.453	261.673.344	19.973.864.644
<b>III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>				
- Quyền sử dụng đất	6.531.047.346	-	-	6.531.047.346
- Nhà	21.103.744.078	1.283.171.992	7.698.730.291	14.688.185.779

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Tài sản dở dang dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	-	-
<b>b) Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>60.655.178.444</b>	<b>533.716.724.935</b>
- Mua sắm	-	4.297.156.874
- Xây dựng cơ bản dở dang	60.655.178.444	529.419.568.061
+ Công trình Alphanam Luxury	(6.567.116.593)	500.398.276.174
+ Công trình Bình Minh - Cao Viên	-	17.789.109.478
+ Dự án xây dựng cao ốc tại 58 Bạch Đằng	17.405.006.159	11.232.182.409
+ Các Công trình khác	49.817.288.878	-
<b>Cộng</b>	<b>60.655.178.444</b>	<b>533.716.724.935</b>

**10. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	186.103.133	678.865.027
b. Dài hạn	94.081.020.192	112.927.371.583
<b>Cộng</b>	<b>94.267.123.325</b>	<b>113.606.236.610</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**  
 Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

11. Lợi thế thương mại	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí	Giảm khác	Số cuối kỳ
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	461.799.095.933	-	61.232.385.231	400.566.710.702	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn	139.903.208.615	-	13.872.610.165	126.030.598.450	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hà Tây	33.294.635.182	-	3.531.249.186	29.763.385.996	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	53.839.989.552	-	7.341.816.756	-	46.498.172.796
<b>Cộng</b>	<b>688.836.929.282</b>	-	<b>85.978.061.338</b>	<b>556.360.695.148</b>	<b>46.498.172.796</b>

  

12. Vay và nợ thuê tài chính	Số đầu năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Số cuối kỳ
a. Vay ngắn hạn	451.110.540.644	211.244.357.536	211.244.357.536	
b. Vay dài hạn	508.038.332.857	151.901.421.101	151.901.421.101	
<b>Cộng</b>	<b>959.148.873.501</b>	<b>363.145.778.637</b>	<b>363.145.778.637</b>	

  

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải thu cuối năm	Số tiền phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	1.434.507.954	-	55.616.935.927
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.166.471.603	-	3.933.688.468
- Thuế thu nhập cá nhân	-	322.532.017	-	542.910.686
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	6.790.000	-	6.790.000
<b>Cộng</b>	-	<b>2.930.301.574</b>	-	<b>60.100.325.081</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**14. Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>608.031.330</b>	<b>14.501.803.011</b>
- Chi phí phải trả	608.031.330	14.501.803.011
<b>Cộng</b>	<b>608.031.330</b>	<b>14.501.803.011</b>

**15. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>56.628.196.085</b>	<b>52.377.106.703</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	492.904.786	492.904.786
- Kinh phí công đoàn	1.943.914.727	1.846.993.235
- Bảo hiểm xã hội	21.538.436	4.342.255
- Bảo hiểm y tế	720.140	720.140
- Bảo hiểm thất nghiệp	320.062	320.062
- Phải trả về cổ phần hóa	2.113.230	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	23.298.040	62.686.440
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	54.143.386.664	49.969.139.785
<b>b. Dài hạn</b>	<b>6.031.355.662</b>	<b>14.917.076.187</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.733.995.662	14.917.076.187
<b>Cộng</b>	<b>62.659.551.747</b>	<b>67.294.182.890</b>

**16. Doanh thu chưa thực hiện**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	2.739.749.968	4.349.214.995
b) Dài hạn	3.390.837.592	3.098.634.234
<b>Cộng</b>	<b>6.130.587.560</b>	<b>7.447.849.229</b>

**17. Dự phòng phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.784.424.919</b>	<b>1.365.767.124</b>
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.784.424.919	1.365.767.124
<b>Cộng</b>	<b>1.784.424.919</b>	<b>1.365.767.124</b>

**18. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	12.399.604.735	13.454.689.919
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
<b>- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>12.399.604.735</b>	<b>13.454.689.919</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**19. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>1.924.844.130.000</b>	<b>74.155.820.000</b>	<b>6.036.162.430</b>	<b>6.309.092.169</b>	<b>(508.422.267.073)</b>	<b>183.589.627.820</b>	<b>1.686.512.565.346</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(135.949.979.054)	1.457.156.589	(134.492.822.465)
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	-	-	-	-	(1.580.800.000)	(1.580.800.000)
Tăng, giảm khác	-	-	-	-	(12.804.905.777)	14.536.177.427	1.731.271.650
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1.924.844.130.000</b>	<b>74.155.820.000</b>	<b>6.036.162.430</b>	<b>6.309.092.169</b>	<b>(657.177.151.904)</b>	<b>198.002.161.836</b>	<b>1.552.170.214.531</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	140.497.599.576	1.170.026.921	141.667.626.497
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	(933.600.000)	(933.600.000)
Cổ tức của cổ đông không kiểm soát tại Công ty Fuji	-	-	-	-	-	-	-
Tăng, giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	1.439.128.891	71.697.757	35.340.213	537.663.757.042	12.685.308.505	551.823.704.139
Tăng, giảm khác	-	-	-	-	(27.181.002.993)	(22.289.801.720)	(49.470.804.713)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.924.844.130.000</b>	<b>75.594.948.891</b>	<b>6.107.860.187</b>	<b>6.344.432.382</b>	<b>(6.196.798.279)</b>	<b>188.634.095.542</b>	<b>2.195.257.140.454</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	2.051.294.699.267	501.600.557.611
<b>Cộng</b>	<b><u>2.051.294.699.267</u></b>	<b><u>501.600.557.611</u></b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại	53.255.277	-
- Hàng bán bị trả lại	4.384.177.005	236.239.385
<b>Cộng</b>	<b><u>4.437.432.282</u></b>	<b><u>236.239.385</u></b>

**03. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ đã bán	1.962.262.153.789	436.405.480.969
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.101.229.241)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.954.160.924.548</u></b>	<b><u>436.405.480.969</u></b>

**04. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay, thoái vốn	226.065.486.899	1.373.671.700
<b>Cộng</b>	<b><u>226.065.486.899</u></b>	<b><u>1.373.671.700</u></b>

**05. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay và Chi phí tài chính khác	24.321.807.154	22.169.551.631
<b>Cộng</b>	<b><u>24.321.807.154</u></b>	<b><u>22.169.551.631</u></b>

**06. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	4.480.308.587	1.242.535.203
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>4.480.308.587</u></b>	<b><u>1.242.535.203</u></b>

**07. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(1.075.986.278)	(1.055.085.186)
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b><u>(1.075.986.278)</u></b>	<b><u>(1.055.085.186)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**01. Giao dịch với các bên liên quan**

Tất cả các giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp (BCTC mẹ) nên không trình bày lại ở Báo cáo tài chính hợp nhất.

**02. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Hưng Yên, ngày 30 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vi Văn Hai

Nguyễn Thị Vân Anh

Bùi Hoàng Tuấn

